

Số: 8666/CĐBVN-TC

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2023

V/v báo cáo công tác triển khai điều chỉnh giá vé tại các hợp đồng BOT do Bộ GTVT quản lý.

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải (GTVT) tại văn bản số 14209/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2023 về điều chỉnh giá vé tại các hợp đồng BOT do Bộ GTVT quản lý, ngày 15/12/2023, Cục ĐBVN đã tổ chức họp với các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án và đã thống nhất kế hoạch triển khai công tác điều chỉnh giá vé tại các trạm thu phí thuộc danh sách điều chỉnh giá vé. Cục ĐBVN báo cáo Bộ GTVT kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

1. Về danh mục dự án/trạm thu phí điều chỉnh giá vé:

Tại cuộc họp ngày 15/12/2023 với Cục ĐBVN, Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án của 03 dự án kiên nghị không điều chỉnh giá vé (trạm Trạm Cù Mông thuộc Dự án Hàm đường bộ Đèo Cả; Trạm Km 1747 thuộc Dự án Nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14), đoạn Km1738+148-Km1763+610, tỉnh Đắk Lắk; Trạm Km11+625 thuộc Dự án Đầu tư, cải tạo nâng cấp QL38 đoạn nối QL1 với QL5 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương theo hình thức Hợp đồng BOT).

Kết thúc cuộc họp, Cục ĐBVN nhận được kiến nghị chưa điều chỉnh giá vé bằng văn bản của 02 Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án: Văn bản số 210/CV-BOT38 ngày 15/12/2023 đề nghị tạm thời chưa điều chỉnh giá vé và hỗ trợ các giải pháp đề thu của Công ty cổ phần BOT 38 (Trạm Trạm Km11+625 thuộc dự án Đầu tư, cải tạo nâng cấp QL38 đoạn nối QL1 với QL5 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương theo hình thức Hợp đồng BOT); Văn bản số 45/CT.BOTQĐ ngày 15/12/2023 của Công ty cổ phần BOT Quang Đức về việc không tăng giá vé trạm thu phí tại Trạm thu giá Km1747 đường Hồ Chí Minh (Dự án Nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14), đoạn Km1738+148-Km1763+610, tỉnh Đắk Lắk). Công ty cổ phần đầu tư Đèo Cả có văn bản số 1275/2023/ĐC về điều chỉnh mức thu dịch vụ sử dụng đường bộ tại các trạm thu phí thuộc Dự án hàm đường bộ Đèo Cả trong đó kiên nghị thực hiện điều chỉnh tăng giá vé tại Trạm thu phí Đèo Cả, An Dân và Cù Mông.

Trên cơ sở kiến nghị của các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án, theo đó, Cục ĐBVN tổng hợp số dự án điều chỉnh giá vé là 41 dự án/47 trạm thu phí:

- Số lượng dự án: Giảm 03 dự án so với danh sách tại văn bản 14209/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2023, gồm: Dự án Xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Phan Rang- Tháp Chàm (do đã kết thúc chia sẻ doanh thu); Dự án Đầu tư, cải tạo nâng cấp QL38 đoạn nối QL1 với QL5 qua địa phận tỉnh Bắc Ninh và Hải Dương theo hình thức Hợp đồng BOT; Dự án Nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh (QL14), đoạn Km1738+148-Km1763+610, tỉnh Đắk Lắk;

- Số lượng trạm thu phí: Tăng 01 hệ thống trạm (hệ thống trạm thu phí kín trên cao tốc Hà Nội – Hải Phòng) do đếm lại số lượng trạm điều chỉnh giá vé đã được chấp thuận (Danh sách các dự án/trạm thu phí điều chỉnh giá vé kèm theo văn bản số 14209/BGTVT-CĐCTVN); giảm 02 trạm thu phí (thuộc 02 dự án chưa điều chỉnh giá vé theo đề nghị của Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án nêu trên).

## 2. Mức giá điều chỉnh:

Trên cơ sở phương án đã đề xuất tại văn bản số 03/CĐBVN-TC ngày 20/3/2023 và văn bản số 3070/CĐBVN-TC ngày 16/5/2023, Cục ĐBVN đã thực hiện rà soát lại mức giá điều chỉnh theo chỉ đạo của Bộ GTVT tại văn bản số 14209/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2023.

3. Kế hoạch điều chỉnh giá vé tại các trạm thu phí: Dự kiến 0 giờ 00 phút ngày 26/12/2023.

## 4. Các nội dung khác:

- Cục ĐBVN đã có văn bản số 8652/CĐBVN-TCHC ngày 15/12/2023 gửi Cục Quản lý đấu thầu và Trung tâm đấu thầu qua mạng Quốc gia đề nghị cho đăng tải thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

- Cục ĐBVN đã có văn bản số 8663/CĐBVN-TC ngày 15/12/2023 gửi các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án BOT triển khai kế hoạch điều chỉnh giá vé tại trạm thu phí các dự án BOT do Bộ GTVT quản lý. Trong đó, Cục ĐBVN đã hướng dẫn các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh giá vé theo quy định.

## 5. Đề xuất, kiến nghị:

Để đạt được sự đồng thuận của các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án BOT và người sử dụng dịch vụ đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam kính đề nghị Bộ GTVT chấp thuận mức giá, thời điểm và kế hoạch điều chỉnh giá vé nêu trên trước ngày 21/12/2023, làm cơ sở cho Cục ĐBVN triển khai các bước tiếp theo.

Cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, chỉ đạo./.

*(Kèm theo Phụ lục 01 - Danh mục dự án/trạm thu phí, mức giá điều chỉnh; Phụ lục 02 – Biểu mức giá Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ).*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó Cục trưởng;
- Phòng KHĐT; TCHC; KHCN,MT&HTQT;
- Lưu: VT, TC<sub>Th</sub>

**CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Xuân Cường**

## DANH MỤC DỰ ÁN/TRẠM THU PHÍ ĐIỀU CHỈNH GIÁ VÀ MỨC GIÁ ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo văn bản số 8666/CĐBVN-TC ngày 15/12/2023 của Cục ĐBVN)

*Đơn vị: đồng*

ST DA	Số TTP	TÊN DỰ ÁN	TÊN TRẠM THU PHÍ	Mức giá	Giá Vé lượt dự kiến sau điều chỉnh (bao gồm 10% VAT)				
					Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
		<b>QL 1</b>							
1	1	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Hà Nội - Bắc Giang theo hình thức BOT	Trạm thu Km152+080	Mức giá chung	40.000	57.000	86.000	140.000	200.000
2	2	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Pháp Vân - Cầu Giẽ	Trạm thu kín	Biểu giá riêng					
3	3	Đầu tư xây dựng QL1 đoạn tránh TP. Phủ Lý và tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km215+715-Km235+885, tỉnh Hà Nam	Trạm Nam Cầu Giẽ	Mức giá chung	28.000	46.000	69.000	86.000	138.000
4	4	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km368+400(Nghi Sơn)-Km402+330(Cầu Giát) theo hình thức hợp đồng BOT	Trạm Hoàng Mai (Bắt đầu thu phí ngày 03/5/2015)	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	17.000	29.000	53.000	82.000	118.000
5	5	Xây dựng cầu Bến Thủy	Trạm Bến Thủy	Mức giá chung	47.000	64.000	87.000	140.000	200.000
	Vùng lân cận			0	0	87.000	140.000	200.000	
	6		Trạm Bến Thủy II	Mức giá chung	47.000	64.000	87.000	140.000	200.000
6	7	BOT Xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km597+549-Km605+00 và đoạn Km617+00-Km641+00	Trạm thu phí TASCO Quảng Bình (Km604)	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	0	0			
7	8	QL 1A đoạn tránh TP Đồng Hới	Quán Hàu	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
8		QL1 Km672+600 -Km704+900, tỉnh Quảng Bình		Giá vùng lân cận	0	0	87.000	140.000	200.000
9	9	QL 1A đoạn từ TP Đông Hà - Quảng Trị (bắt đầu thu 7/2014)	Trạm thu phí Đông Hà - Quảng Trị (Km763+800)	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
10		QL1 đoạn Km741+170 - Km756+705, tỉnh Quảng Trị		Vùng lân cận (buýt CC)					
				Vùng lân cận	20.000	29.000	52.000	84.000	120.000
				Vùng lân cận	24.000	35.000	52.000	84.000	120.000

ST DA	Số TTP	TÊN DỰ ÁN	TÊN TRẠM THU PHÍ	Mức giá	Giá Vé lượt dự kiến sau điều chỉnh (bao gồm 10% VAT)					
					Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5	
11	10	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL1 đoạn Km 947 - Km987 theo hình thức hợp đồng BOT thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình QL1A đoạn qua tỉnh Quảng Nam	Trạm Km943+975 (thay Trạm Hòa Phước, Hải Vân từ 1/1/2016)	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000	
				Giá vùng lân cận	20.000					
12	11	Dự án thành phần 2: Đầu tư xây dựng QL1 đoạn Km987-Km1027 thuộc dự án mở rộng QL1 đoạn Km942-1027	Trạm thu phí Tam Kỳ	Mức giá chung	35.000	53.000	76.000	129.000	200.000	
				Mức giá vùng lân cận	0	53.000	76.000	129.000	200.000	
				Mức giá vùng lân cận	17.000	53.000	76.000	129.000	200.000	
13	12	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1063+877-Km1092+577, tỉnh Quảng Ngãi theo hình thức Hợp đồng BOT	Trạm thu phí Km1064+730	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000	
				Mức giá vùng lân cận	33.000	47.000	70.000	112.000	160.000	
14	13	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 1125-Km1153, tỉnh Bình Định theo hình thức Hợp đồng BOT	Trạm thu phí Km1148+1300	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000	
				Mức giá vùng lân cận	20.000					
15	14	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1212+400-Km1265 tỉnh Bình Định và Phú Yên theo hình thức Hợp đồng BOT	Trạm thu Km1212+550	Mức giá chung	35.000	53.000	82.000	135.000	200.000	
				Mức giá vùng lân cận	17.000					
16	15	Xây dựng hầm Đèo Cả QL 1	Trạm Bàn Thạch (An Dân)	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000	
				Giá vùng lân cận	16.000	23.000	34.000	56.000	80.000	
	16			Trạm Đèo Cả	Mức giá chung	110.000	160.000	200.000	210.000	280.000
	17			Trạm Cù Mông	Mức giá chung	70.000	83.000	141.000	165.000	259.000
17	18	Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa	Trạm Ninh An (Ninh Lộc)	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000	
				Giá vùng lân cận	20.000	35.000	52.000	85.000	120.000	
18	19	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1488-Km1525, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức HĐ BOT	Trạm thu phí Cam Thịnh	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000	
				Mức giá vùng lân cận	0	47.000	69.000	112.000	160.000	

ST DA	Số TTP	TÊN DỰ ÁN	TÊN TRẠM THU PHÍ	Mức giá	Giá Vé lượt dự kiến sau điều chỉnh (bao gồm 10% VAT)				
					Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
19	20	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 các đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	Trạm Km1584+100 QL 1 - Cà Ná	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Mức giá vùng lân cận	24.000	35.000	53.000	84.000	120.000
				Mức giá vùng lân cận	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
20	21	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1642+000-Km1692+000, tỉnh Bình Thuận theo hình thức BOT	Trạm thu phí Km1661+600	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	24.000	35.000	52.000	84.000	120.000
				Vùng lân cận	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
21	22	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo nền, mặt đường QL1 đoạn Phan Thiết-Đồng Nai	Trạm Sông Phan	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Xe buýt CC	0	0	0	0	0
				Mức giá vùng lân cận	20.000	29.000	44.000	70.000	100.000
				Mức giá vùng lân cận	24.000	35.000	53.000	84.000	120.000
22	23	Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Cần Thơ-Phụng Hiệp theo hình thức BOT	Trạm thu Km2079+535	Mức giá chung	35.000	53.000	82.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	17.000				
				Vùng lân cận	22.000	34.000	57.000	98.000	140.000
23	24	Dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km2118+600 - Km2127+320,75 và xây dựng tuyến tránh thành phố Sóc Trăng của Quốc lộ 1, tỉnh Sóc Trăng	Km2123+250 QL1	Mức giá chung	29.000	41.000	47.000	82.000	165.000
				Vùng lân cận	14.000	20.000	23.000	41.000	82.000
				Vùng lân cận	23.000	33.000	37.000	66.000	132.000
24	25	Dự án ĐTXD công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn cửa ngõ phía Bắc TP Bạc Liêu (Km2169+056,65-Km2178+126,79) và xử lý một số vị trí ngập nước trên QL 1 tỉnh Bạc Liêu	Trạm Km2171+200	Mức giá chung	29.000	41.000	47.000	82.000	165.000
				Vùng lân cận	17.000	24.000	28.000	49.000	99.000
				Vùng lân cận	23.000	33.000	37.000	66.000	132.000
<b>QL 2</b>									
25	26	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Việt Trì mới (cầu Hạc Trì) dành riêng cho giao thông đường bộ qua Sông Lô, Quốc lộ 2.	Trạm thu phí cầu Việt Trì (cầu Hạc Trì)	Mức giá chung	38.000	54.000	81.000	130.000	196.000

ST DA	Số TTP	TÊN DỰ ÁN	TÊN TRẠM THU PHÍ	Mức giá	Giá Vé lượt dự kiến sau điều chỉnh (bao gồm 10% VAT)				
					Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
26	27	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Việt Trì-Ba Vì nối Quốc lộ 32 với Quốc lộ 32C	Trạm cầu Văn Lang	Mức giá chung	41.000	53.000	64.000	106.000	200.000
<b>QL 3</b>									
27	28	Dự án ĐTXD tuyến đường Thái Nguyên – Chợ Mới (Bắc Kạn) và nâng cấp, mở rộng QL.3 đoạn Km75-Km100 theo hình thức hợp đồng BOT	Trạm thu giá Km72+930 tuyến đường Thái Nguyên-Chợ Mới	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
<b>QL 5</b>									
28	29	Xây dựng đường cao tốc Hà Nội Hải Phòng	Trạm số 1 QL 5	Mức giá chung	45.000	65.000	87.000	140.000	200.000
	30		Trạm số 2 QL 5	Mức giá chung	45.000	65.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận 2 trạm	22.000	35.000	46.000	78.000	111.000
	31		Trạm thu phí kín trên cao tốc	Mức giá chung (đ/km)	2.100	3.000	4.000	6.400	8.251
<b>QL 10</b>									
29	32	Cải tạo, nâng cấp QL 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng	Trạm Km41	Mức giá chung	38.000	54.000	81.000	130.000	196.000
				Vùng lân cận	21.000	32.000	49.000	76.000	119.000
				Vùng lân cận	16.000	27.000	49.000	76.000	119.000
<b>QL 14</b>									
30	33	Mở rộng đường mòn HCM đoạn từ cầu 38-Thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước	Trạm số 2-QL14	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
				Vùng lân cận	24.000	35.000	52.000	84.000	120.000
31	34	QL14 đoạn từ Pleiku-cầu 110 (Km542 - Km607+850)	Trạm thu phí Km1610+800 (Hàm Rồng)	Mức giá chung tại 2 trạm	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
	35		Trạm thu phí Km1667+470 (Cầu 110)	Vùng lân cận (2 trạm)	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
			Vùng lân cận (2 trạm)	32.000	47.000	69.000	112.000	160.000	
<b>QL 18</b>									

ST DA	Số TTP	TÊN DỰ ÁN	TÊN TRẠM THU PHÍ	Mức giá	Giá Vé lượt dự kiến sau điều chỉnh (bao gồm 10% VAT)				
					Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
32	36	Cải tạo nâng cấp QL 18 đoạn từ thị xã Uông Bí- thành phố Hạ Long	Đại Yên QL18 (thu 10/2014)	Mức giá chung	35.000	47.000	59.000	94.000	188.000
33	37	cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Bắc Ninh - Uông Bí theo hình thức BOT	Trạm Phả Lại Km23+890	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	20.000	29.000			
				Vùng lân cận	24.000	35.000	52.000	84.000	120.000
<b>QL 19</b>									
34	38	Cải tạo nâng cấp QL 19 đoạn Km17+027 - Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và Km108 - Km131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức BOT	Km49+550 địa phận Bình Định	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
				Vùng lân cận	24.000	35.000	52.000	84.000	120.000
	39		Km124+720 địa phận tỉnh Gia Lai	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
				Vùng lân cận	24.000	35.000	52.000	84.000	120.000
<b>QL 20</b>									
35	40	Dự án đầu tư xây dựng công trình khôi phục, cải tạo Quốc lộ 20 đoạn Km123 105,17-Km268 tỉnh Lâm Đồng theo hình thức hợp đồng BOT kết hợp BT	Trạm thu phí Liên Đàm	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Mức giá vùng lân cận	32.000	47.000	69.000	112.000	160.000
				Mức giá vùng lân cận	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
<b>QL 26</b>									
36	41	Dự án đầu tư xây dựng đoạn mới qua thị xã Ninh Hòa (Km0+00-Km2+897) và cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc Lộ 26 đoạn Km3+411-Km11+504 (tỉnh Khánh Hòa) và Km91+383-Km98+800 (tỉnh Đắk Lắk) theo hình thức hợp đồng BOT	Trạm Ninh Xuân (tỉnh Khánh Hòa)	Mức giá chung	29.000	35.000	47.000	70.000	141.000
				Mức giá vùng lân cận	0	21.000	28.000	42.000	84.000
	42		Trạm Ea Đar (tỉnh Đắk Lắk)	Mức giá chung	29.000	35.000	47.000	70.000	141.000
				Mức giá vùng lân cận	0	21.000	28.000	42.000	84.000
<b>QL 32</b>									
37	43	dự án đầu tư xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn QL2 đến Hương Nộn và nâng cấp, mở rộng QL32 đoạn từ Cổ Tiết đến cầu Trung Hà, tỉnh Phú Thọ theo hình thức hợp đồng BOT	Trạm Km67+300 QL32 (Trạm Tam Nông)	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Vùng lân cận	0	29.000	41.000	70.000	100.000
				Vùng lân cận	17.000	29.000	41.000	70.000	100.000
				Vùng lân cận	28.000	59.000	87.000	140.000	200.000

ST DA	Số TTP	TÊN DỰ ÁN	TÊN TRẠM THU PHÍ	Mức giá	Giá Vé lượt dự kiến sau điều chỉnh (bao gồm 10% VAT)				
					Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4	Nhóm 5
<b>QL 38</b>									
38	44	Xây dựng QL38 từ cầu Yên Lệnh đến núi giao Vực Vòng	Yên Lệnh	Mức giá chung	35.000	47.000	76.000	123.000	188.000
				Mức giá vùng lân cận	0	0	46.000	74.000	113.000
				Mức giá vùng lân cận	0	0	38.000	61.000	94.000
<b>QL 50</b>									
39	45	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Mỹ Lợi (Km34+826, QL50) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Tiền Giang	Trạm thu phí cầu Mỹ Lợi	Mức giá chung	41.000	59.000	76.000	129.000	200.000
40	46	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Bến Tre và Trà Vinh theo hình thức hợp đồng BOT	Trạm thu phí cầu Cổ Chiên	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
<b>QL 91</b>									
41	47	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 đoạn Km14+000 đến Km50+889 theo hình thức BOT	Trạm thu Km16+905	Mức giá chung	41.000	59.000	87.000	140.000	200.000
				Loại vé được giảm 50% tại trạm T1 và trạm T2	20.000	29.000	43.000	70.000	100.000
				Loại vé được giảm 30% tại trạm T1	28.000	41.000	61.000	98.000	140.000
				Thu bổ sung tại Trạm T2 áp dụng cho đối tượng đã được giảm giá 30% trạm T1	13.000	18.000	26.000	42.000	60.000
				Thu bổ sung tại Trạm T1 và Trạm T2 áp dụng cho đối tượng đã được giảm giá 50% trạm T2, trạm T1	21.000	30.000	44.000	70.000	100.000

Mức giảm 100%  
Bằng mức giá chung

Mức giá  
Mức giá

0  
ô trắng



**PHỤ 02****BIỂU GIÁ VÉ - DỰ ÁN PHÁP VÂN - CẦU GIỄ**

(Kèm theo văn bản số 8666/CĐBVN-TC ngày 15/12/2023 của Cục ĐBVN)

Số TT	Phương tiện chịu phí	Đoạn tuyến								
		Pháp Vân - Thường Tín và ngược lại	Pháp Vân - Vạn Điểm và ngược lại	Pháp Vân - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Pháp Vân - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Thường Tín - Vạn Điểm và ngược lại	Thường Tín - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Thường Tín - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại	Vạn Điểm - Cầu Giẽ - Hà Nam và ngược lại	Vạn Điểm - Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và ngược lại
		Giá Vé lượt sau điều chỉnh (bao gồm 10% VAT)								
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	11.800	29.500	41.300	41.300	11.800	23.600	23.600	11.800	11.800
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	23.600	41.300	53.100	53.100	23.600	41.300	35.400	17.700	11.800
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	23.600	59.000	64.900	64.900	29.500	53.100	47.200	23.600	17.700
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit	35.400	70.800	100.300	100.300	35.400	64.900	64.900	29.500	23.600
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	59.000	118.000	159.300	153.400	64.900	106.200	100.300	41.300	35.400